

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2020.

V/v: “ Yêu cầu ly hôn,
tranh chấp nuôi con ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Mai Hương.

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 173/2020/TLST – HNGĐ ngày: 29/4/2020, về việc: “ Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày: 02/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày: 20/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: LTH, sinh năm: 1988 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp TB3, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: NT, sinh năm: 1986 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp TB3, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020, bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn chị LTH trình bày: Chị H kết hôn với anh T vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung với nhau, các cháu tên là: NGK, sinh ngày: 06/02/2008 và NNTL, sinh ngày : 07/10/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị H, nếu ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh NT đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh T vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của chị H là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị LTH khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị H ly hôn với anh NT và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Bút lục số: 25), anh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị H trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 25A).

Điều đó chứng tỏ chị H và anh T không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Về hôn nhân chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung với nhau, các cháu tên là: NGK, sinh ngày: 06/02/2008 và NNTL, sinh ngày : 07/10/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị H, nếu ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy: Anh T không có mặt nên không thể hiện được ý chí, nguyện vọng của mình là có muốn nuôi con hay không. Mặt khác, việc chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K, cháu L (Bút lục số: 22,23). Do đó, giao cháu K, cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, giao cháu K, cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, nhưng anh T không có mặt nên không kiểm chứng được lời trình bày của chị H có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị H phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị LTH đối với anh NT.

[1] Về hôn nhân: Chị LTH được ly hôn với anh NT.

[2] Về con chung: Có 02 con chung với nhau, các cháu tên là: NGK, sinh ngày: 06/02/2008 và NNTL, sinh ngày : 07/10/2011. Hiện nay đang sống cùng với chị H.

Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001282 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã BC.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn